



DANH MỤC PHÉP THỬ ĐƯỢC CÔNG NHẬN MỞ RỘNG LẦN THỨ 1

LIST OF ACCREDITED TESTS, FIRST EXPANSION

(Kèm theo quyết định số/attachment with decision: /QĐ – VPCNCLQG
ngày tháng 12 năm 2025 của Giám đốc Văn phòng Công nhận chất lượng
quốc gia/of BoA Director)

Tên phòng thí nghiệm: **Phòng Hóa - Lý môi trường**
Laboratory: **Environmental Physico - Chemistry department**

Tổ chức /Cơ quan chủ quản: **Viện Khoa học Công nghệ Năng lượng và Môi trường**
Organization: **Institute of Science and Technology for Energy and Environment**

Số hiệu/ Code: **VILAS 1554**

Chuẩn mực công nhận
Accreditation criteria **ISO/IEC 17025:2017**

Lĩnh vực:
Field: **Hóa, Sinh**
Chemical, Biological

Người quản lý:
Laboratory manager: **Nguyễn Thị Thanh Hải**
Nguyen Thi Thanh Hai

Hiệu lực công nhận
Period of Validation: **Từ ngày /12/2025 đến ngày 24/11/2029**

Địa chỉ:
Address: **Nhà A30, 18 Hoàng Quốc Việt, phường Nghĩa Đô, Hà Nội**
Block A30, 18 Hoang Quoc Viet street, Nghia Do ward, Hanoi

Địa điểm:
Location: **Nhà A30, 18 Hoàng Quốc Việt, phường Nghĩa Đô, Hà Nội**
Block A30, 18 Hoang Quoc Viet street, Nghia Do ward, Hanoi

Điện thoại/ Tel: **0916182766**

Email: **hai0712@gmail.com**

Website: **http://istee.vn**

DANH MỤC PHÉP THỬ ĐƯỢC CÔNG NHẬN MỞ RỘNG LẦN THỨ 1*LIST OF ACCREDITED TESTS, FIRST EXPANSION***VILAS 1554****Lĩnh vực thử nghiệm: Hóa***Field of testing: Chemical*

TT	Tên sản phẩm, vật liệu được thử/ <i>Materials or product tested</i>	Tên phép thử cụ thể/ <i>The name of specific tests</i>	Giới hạn định lượng (nếu có)/ Phạm vi đo <i>Limit of quantitation (if any)/range of measurement</i>	Phương pháp thử/ <i>Test method</i>
1.	Nước sạch <i>Domestic water</i>	Xác định mùi Phương pháp cảm quan <i>Determination of smell</i> <i>Sensory test</i>		ISTEE-01:2025 (Ref. SMEWW 2150:2023)
2.	Nước uống đóng chai, nước đá <i>Bottled drinking water, ice</i>	Xác định hàm lượng clo tự do và clo tổng <i>Determination of free chlorine and total chlorine content</i>	0,05 mg/L	SMEWW 4500-Cl G:2023

Ghi chú/Note:

- ISTEE-01: Phương pháp do Phòng thí nghiệm xây dựng/ *Laboratory developed method*
- SMEWW: Standard Methods for the Examination of Water and WasteWater
- Ref.: Reference

DANH MỤC PHÉP THỬ ĐƯỢC CÔNG NHẬN MỞ RỘNG LẦN THỨ 1

LIST OF ACCREDITED TESTS, FIRST EXPANSION

VILAS 1554

Lĩnh vực thử nghiệm: Sinh

Field of testing: Biological

TT	Tên sản phẩm, vật liệu được thử/ <i>Materials or product tested</i>	Tên phép thử cụ thể/ <i>The name of specific tests</i>	Giới hạn định lượng (nếu có)/ Phạm vi đo <i>Limit of quantitation (if any)/range of measurement</i>	Phương pháp thử/ <i>Test method</i>
1.	Nước sạch <i>Domestic water</i>	Định lượng <i>Staphylococcus aureus</i> Phương pháp màng lọc <i>Enumeration of staphylococcus aureus</i> <i>Membrane filtration method</i>		SMEWW 9213B:2023
2.		Định lượng vi sinh vật Kỹ thuật đếm khuẩn lạc <i>Enumeration of microorganisms</i> <i>Colony count technique</i>		ISO 6222:1999
3.	Nước uống đóng chai <i>Bottled drinking water</i>	Định lượng vi khuẩn đường ruột (<i>intestinal enterococci</i>) Phương pháp màng lọc <i>Enumeration of intestinal enterococci</i> <i>Membrane filtration technique</i>		TCVN 6189-2:2009
4.		Định lượng bào tử vi khuẩn kỵ khí khử Sulfit (<i>Clostridia</i>) Phương pháp màng lọc <i>Enumeration of the spores of Sulfite-reducing anaerobes (Clostridia)</i> <i>Membrane filtration method</i>		TCVN 6191-2:1996
5.	Nước đá <i>Ice</i>	Định lượng vi khuẩn đường ruột (<i>intestinal enterococci</i>) Phương pháp màng lọc <i>Enumeration of intestinal enterococci</i> <i>Membrane filtration technique</i>		TCVN 6189-2:2009
6.		Định lượng bào tử vi khuẩn kỵ khí khử Sulfit (<i>Clostridia</i>) Phương pháp màng lọc <i>Enumeration of the spores of Sulfite-reducing anaerobes (Clostridia)</i> <i>Membrane filtration method</i>		TCVN 6191-2:1996
7.		Định lượng Coliforms Phương pháp lọc màng <i>Enumeration of Coliforms</i> <i>Membrane filtration method</i>		TCVN 6187-1:2019
8.		Định lượng <i>Escherichia coli</i> Phương pháp lọc màng <i>Enumeration of Escherichia coli</i> <i>Membrane filtration method</i>		TCVN 6187-1:2019

DANH MỤC PHÉP THỬ ĐƯỢC CÔNG NHẬN MỞ RỘNG LẦN THỨ 1*LIST OF ACCREDITED TESTS, FIRST EXPANSION***VILAS 1554**

TT	Tên sản phẩm, vật liệu được thử/ <i>Materials or product tested</i>	Tên phép thử cụ thể/ <i>The name of specific tests</i>	Giới hạn định lượng (nếu có)/ Phạm vi đo <i>Limit of quantitation (if any)/range of measurement</i>	Phương pháp thử/ <i>Test method</i>
9.	Nước đá <i>Ice</i>	Định lượng <i>Pseudomonas Aeruginosa</i> Phương pháp lọc màng <i>Enumeration of Pseudomonas Aeruginosa</i> <i>Membrane filtration method</i>		TCVN 8881:2011

Ghi chú/Note:

SMEWW: Standard Methods for the Examination of Water and WasteWater

Trường hợp Viện Khoa học Công nghệ Năng lượng và Môi trường cung cấp dịch vụ thử nghiệm chất lượng sản phẩm, hàng hoá thì Viện Khoa học Công nghệ Năng lượng và Môi trường phải đăng ký hoạt động và được cấp giấy chứng nhận đăng ký hoạt động theo quy định của pháp luật trước khi cung cấp dịch vụ này/ *It is mandatory for the Institute of Science and Technology for Energy and Environment that provides product quality testing services must register their activities and be granted a certificate of registration according to the law before providing the service*

